

Số: /2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo 1**THÔNG TƯ****Hướng dẫn kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện việc xác định mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật (sau đây viết tắt là Nghị định số 28/2012/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện việc xác định mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định kinh phí thực hiện, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện việc xác định mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP.

2. Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội; nội dung và mức chi thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan đến công tác xác định mức độ khuyết tật, tập huấn cán bộ làm công tác người khuyết tật, Hội đồng xác định mức độ khuyết tật, Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội; chi trả trợ giúp xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý người khuyết tật: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP; Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng

dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện việc xác định mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện việc xác định mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp xã hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Nội dung, mức chi cho công tác xác định dạng tật, mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật

1. Chi văn phòng phẩm; in ấn Giấy xác nhận khuyết tật, biểu mẫu; mua sổ, sách, tài liệu phục vụ cho công tác quản lý: Mức chi thanh toán theo thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật:

a) Chủ tịch Hội đồng tối đa 70.000 đồng/người/buổi;

b) Thành viên tham dự tối đa 50.000 đồng/người/buổi;

c) Chi nước uống cho người tham dự. Mức chi tối đa 15.000 đồng/người/buổi.

3. Chi giám định y khoa: Số tiền thanh toán căn cứ vào nội dung yêu cầu giám định và mức phí giám định y khoa tại Biểu phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa ban hành kèm theo Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy Giám định y khoa.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Các khoản bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này được áp dụng cho đến khi Bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo thay thế Bảng lương hiện hành áp dụng cho cán bộ công chức, viên chức ban hành và có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

4. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSND tối cao, TAND tối cao;
- Ủy ban Giám sát Tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Sở: LDTBXH, TC và KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Công TTĐT của Chính phủ;
- Công TTĐT, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (300b).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Thành Hưng